

## LỜI KHUYÊN VÀ CÁC SỜ THÍCH

Alice nói rằng '**It's time we were planning** our holidays' (*Đây là thời điểm chúng ta lên kế hoạch nghỉ hè*). Cô ta ngụ ý 'We should' hoặc 'We ought to plan our holidays'.

Dưới đây là một thành ngữ khác chúng ta có thể sử dụng khi chúng ta muốn nói về cái mà người khác nên làm hoặc nói về cái chúng ta muốn hoặc chúng ta thích làm hơn.

### **It's time / would prefer + nguyên mẫu**

Sau **it's time / would prefer** chúng ta sử dụng nguyên mẫu:

A: **It's time to get** the dinner ready.

B: **I'd prefer to go** to a restaurant for a change, wouldn't you?

A: *Đã đến giờ để nấu cơm tối.*

B: *Em thích đi ăn tối tại nhà hàng để thay đổi, được không anh?*

A: **It's time to clear** out the spare room. Your parents are coming next month.

B: I'm too tired just now. **I'd prefer to do** it at the weekend.

A: *Đã đến lúc dọn cái phòng trống. Ba Mẹ em sẽ đến vào tháng tới.*

B: *Em mệt quá. Em muốn làm việc đó vào cuối tuần.*

A: Isn't **it** about **time to pack up** and go home?

B: **I'd prefer to stay** just a bit longer. The beach is so nice today, isn't it?

A: *Đã đến lúc dọn đồ và đi về nhà rồi phải không?*

B: *Em muốn ở lại một chút nữa. Biển hôm nay đẹp quá phải không?*

### **Would rather + nguyên mẫu không to**

Sau **would rather** chúng ta sử dụng nguyên mẫu không có to:

A: It's time to cut the grass.

B: I'm at a great bit in my book. **I'd rather do** it later.

A: *Đã đến lúc cắt cỏ rồi.*

B: *Con đang đọc 1 cuốn sách hay. Con sẽ làm nó sau.*

A: It's time to go now.

B: Can't we stay a bit longer? **I'd rather get** a later train.

A: *Đã đến lúc đi rồi.*

B: *Chúng ta có thể ở lại một chút nữa không? Em muốn đi bằng xe lửa.*

A: Come on, it's time to do the dishes.

B: **I'd rather leave** them till the morning. Let's just go to bed and forget about them.

A: *Lẹ lên, đã đến lúc rửa chén rồi.*

B: *Em muốn để nó đến sáng mai. Hãy đi ngủ và quên nó đi.*

### **It's time / would rather + quá khứ**

Chúng ta có thể sử dụng quá khứ sau **it's time** hoặc **would rather** nhưng nó có nghĩa ở thì hiện tại:

A: Do you mind if I smoke?

B: **I'd rather you didn't.**

A: *Bà có phiền nếu tôi hút thuốc?*

B: *Tôi mong muốn anh không hút.*

A: Can I go round to Bobby's after school tomorrow?

B: **I'd rather you came** straight home actually. Remember your grandma's coming to visit.

A: Con có thể đi đến nhà Bobby sau giờ học ngày mai không?

B: Mẹ muốn cho đi về nhà liền. Hãy nhớ là bà sẽ đến thăm.

A: Where are we going this summer?

B: I don't know yet. I guess **it's time we were planning** our holidays.

A: Chúng ta sẽ đi đâu vào mùa hè này?

B: Anh chưa biết. Anh nghĩ đã đến lúc chúng ta lên kế hoạch nghỉ hè.

### Had better và should + nguyên mẫu không to

1. Chúng ta có thể sử dụng **had better** hoặc **should** để cho lời khuyên. Chúng ta sử dụng **had better** cho các hoàn cảnh cụ thể nhưng không cho những sự việc nói chung.

#### Lời khuyên cụ thể

You've been late every day this week. **You'd better not be late** again or you'll get an official warning.

Anh đã đi làm trễ mỗi ngày trong tuần. Anh không nên đi trễ nữa hoặc anh sẽ nhận thư cảnh cáo.

**I'd better remember** my mum's birthday this year. I forgot it last year and she didn't speak to me for a month!

Em nên nhớ ngày sinh nhật của mẹ năm này. Em quên nó vào năm vừa qua và mẹ không nói chuyện với em trong cả tháng.

#### Lời khuyên chung

You look great in a suit and tie. You **should wear** smart clothes more often.

Anh nhìn đẹp trong áo vest và cà vạt. Anh nên mặc những áo quần đẹp thường xuyên hơn.

In Britain, if you arrive late for a film, they still let you in but you **shouldn't be late** if you're going to the theatre. They won't let you in if you arrive late.

Tại Anh, nếu anh đi trễ cho một bộ phim, họ vẫn để anh vào nhưng anh không thể đi trễ nếu anh đi xem hát. Họ sẽ không để anh vào nếu anh đến trễ.

2. **Had better** cũng có nghĩa có một vấn đề hoặc một số khó khăn nếu bạn không tuân theo lời khuyên. Mà **should** chỉ có nghĩa là "đây là sáng kiến tốt để thực hiện việc này".

**You'd better do** what he says or he'll kill us.

Anh nên làm điều mà ông ta nói hoặc ông ta sẽ giết chúng ta.

**You should go** to the palace if you're in the city. You'll love it.

Chị nên đi đến lâu đài nếu chị đang ở trong thành phố. Chị sẽ thích nó.